



shén jīng kē

神经科

noun · neurology department

Example Sentences

Tā tóu tòng dé lì hài qù le shén jīng kē.
他头痛得厉害，去了神经科。

He had a severe headache and went to the neurology department.

Shén jīng kē de yī shēng jiǎn chá le tā de dà nǎo.
神经科的医生检查了他的大脑。

The doctor in the neurology department examined his brain.

Trace each character, then write the word on your own.

神	神	神	神	神	神	神	神	神	神	神
神										
经	经	经	经	经	经	经	经	经	经	经
经										
科	科	科	科	科	科	科	科	科	科	科
科										